

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 3 trang)

CUỐI KỲ 2 - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: VẬT LÝ - LỚP 11***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 27/08/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L11.CK2.003**TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Đường sức điện giữa hai bản kim loại phẳng song song tích điện trái dấu có hình dạng thế nào?

- A. Các đường cong đi từ điện tích dương sang điện tích âm.
- B. Các đường thẳng song song, cách đều, đi từ bản dương sang bản âm.
- C. Các nửa đường thẳng đi vào điện tích từ mọi phía.
- D. Các nửa đường thẳng đi ra từ điện tích, toả đều ra mọi phía.

Câu 2. Cường độ điện trường tại một điểm được định nghĩa là

- A. thương của lực điện tác dụng lên điện tích thử và độ lớn điện tích thử đó.
- B. công của lực điện khi dịch chuyển điện tích thử.
- C. tích của lực điện và điện tích thử.
- D. lực điện tác dụng lên điện tích thử đặt tại điểm đó.

Câu 3. Một thiết bị công suất 580 W chạy 12 giờ mỗi ngày. Điện năng tiêu thụ mỗi ngày bằng

- A. 6,96 kWh
- B. 48,33 kWh
- C. 0,58 kWh
- D. 6960 kWh

Câu 4. Giữ nguyên điện trở $98\ \Omega$ mà tăng hiệu điện thế từ 26 V lên gấp 3 lần. Cường độ dòng điện

- A. giảm còn $\frac{1}{3}$, bằng 0,09 A.
- B. tăng gấp 3 lần, bằng 0,8 A.
- C. không đổi, vẫn bằng 0,27 A.
- D. tăng gấp 9 lần.

Câu 5. Một bộ pin thử nghiệm gồm bốn cell $A-D$ lắp trong các holder có kí hiệu cực chuẩn; công tắc xoay ghép chúng với một tải thành **một vòng kín** ở mỗi trạng thái S_1-S_4 . Thông số cell:

Cell	E (V)	r (Ω)
A	3,11	0,27
B	2,77	0,22
C	1,39	0,16
D	2,82	0,29

Ở mỗi trạng thái, duyệt vòng theo chiều mũi tên của ampe kế: một cell là **thuận** nếu chiều duyệt đi qua nó từ cực $-$ sang cực $+$ theo kí hiệu holder (cell đẩy dòng theo chiều duyệt), là **ngược** nếu trái lại. Số đọc ampe kế dương khi dòng chạy theo chiều duyệt. Bỏ qua điện trở dây; ampe kế và vôn kế lí tưởng.

Trạng thái	Các cell theo chiều duyệt	Tải	Tiếp điểm trên vòng	Số đọc ampe kế
S_1	A (ngược), B (ngược)	$R_1 = 8,3 \Omega$	T_1, T_2, T_4	$I_1 = -0,67 \text{ A}$
S_2	A (thuận), B (ngược), C (ngược)	$R_2 = 2,4 \Omega$	T_1, T_3, T_5	$I_2 = 0,46 \text{ A}$
S_3	C (thuận), D (thuận)	$R_3 = 0,5 \Omega$	T_3, T_4	$I_3 = 0,88 \text{ A}$
S_4	A (ngược), C (ngược), D (ngược)	$R_4 = 1,1 \Omega$	T_1, T_3	chưa đo

Sau bảo trì, kĩ thuật viên biết chắc: **đúng một** cell bị lắp đảo (cực thật ngược với kí hiệu holder) và **đúng một** trong năm tiếp điểm T_1-T_5 bị oxi hoá, có thêm điện trở $\Delta r = 0,68 \Omega$; các phần tử khác đúng thông số. Ampe kế đọc tới 0,01 A (số đọc là giá trị đã làm tròn). Ở S_4 , vôn kế mắc trên R_4 với cực $+$ ở đầu mà dòng theo chiều duyệt đi vào; U_4 là số đọc của vôn kế ấy (có dấu). Chọn phương án nêu đúng cả cell bị đảo, tiếp điểm bị lỗi và số đọc U_4 .

- A. Cell C đảo; tiếp điểm T_3 lỗi; $U_4 = -2 \text{ V}$ B. Cell C đảo; tiếp điểm T_3 lỗi; $U_4 = -3,22 \text{ V}$
 C. Cell D đảo; tiếp điểm T_3 lỗi; $U_4 = -0,74 \text{ V}$ D. Cell C đảo; tiếp điểm T_1 lỗi; $U_4 = -2,74 \text{ V}$

Câu 6. Điện dung của một tụ điện được xác định bằng

- A. hiệu điện thế lớn nhất mà tụ chịu được.
 B. thương của điện tích tụ tích được và hiệu điện thế giữa hai bản.
 C. điện tích mà tụ tích được.
 D. tích của điện tích và hiệu điện thế.

Câu 7. Dòng điện cường độ 0,4 A chạy qua một dây dẫn trong 71 s. Điện lượng chuyển qua tiết diện thẳng bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 0,4 C B. 177,5 C C. 0 C D. 28,4 C

Câu 8. Một điện tích chịu hai lực điện cùng phương cùng chiều, độ lớn 36 N và 28 N. Hợp lực có độ lớn

- A. 45 N B. 36 N C. 64 N D. 8 N

Câu 9. Định luật Ohm cho toàn mạch được viết là

- A. $I = \frac{\xi}{r}$ B. $I = \xi(R + r)$ C. $I = \frac{\xi}{R + r}$ D. $I = \frac{\xi}{R}$

Câu 10. Công của lực điện khi dịch chuyển một điện tích trong điện trường đều

- A. tỉ lệ với quãng đường thực tế mà điện tích đi được.
- B. bằng không nếu điện tích chuyển động.
- C. luôn dương với mọi điện tích.
- D. không phụ thuộc hình dạng đường đi, chỉ phụ thuộc vị trí điểm đầu và điểm cuối.